

Bản án số: 19/2021/HS-ST
Ngày: 04-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Hạnh và bà Phan Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXXST-HS ngày 08/7/2021 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1984 tại T; nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh G; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Y và Lê Thị D; có vợ là Rmah H'O và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/3/2021 đến ngày 23/3/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thị Xuân V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 134 Hùng V, phường Sông B, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đ. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 01/2021, chị Lê Thị Xuân V (Sinh năm 1988, trú tại 134 H, tổ 4, phường S, A) đăng ký tham gia thi tuyển viên chức ngành giáo dục do Ủy ban nhân dân thị xã A tổ chức. Trong thời gian ôn thi chị V tìm hiểu và được biết Lê

Văn T (kế toán Trường tiểu học L, huyện I, G) có nhiều mối quan hệ nên liên hệ với T nhờ giúp đỡ. Chị V sử dụng tài khoản zalo “X V” (có liên kết số điện thoại “+84358481781”) để liên hệ với T qua tài khoản zalo “Le Van T” (có liên kết số điện thoại “+84985245451”). Mặc dù T không có khả năng giúp chị V thi đậu viên chức nhưng vẫn đồng ý với mục đích nếu chị V thi đậu, T sẽ chiếm đoạt được số tiền chi phí của chị V. Nhằm tạo niềm tin cho chị V, T đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có quen biết nhiều người có thể giúp chị V thi đậu và T đã từng giúp nhiều người xin được việc. Chị V tin tưởng và thống nhất với T chi phí là 80.000.000 đồng, giao trước cho T là 30.000.000 đồng. Ngày 29/01/2021, T và chị V hẹn gặp nhau tại quán cà phê Goshi (thuộc tổ 10, phường Đ, thị xã A) để giao tiền. Khi nhận tiền, T viết giấy mượn tiền của chị V. Sau đó, T lên mạng tải tài liệu thi tuyển viên chức từ trang điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố P năm 2020 rồi gửi qua email cho chị V ôn thi. Quá trình ôn thi chị V phát hiện đề cương ôn thi T gửi là đề cương cũ. Đồng thời qua tìm hiểu, chị V biết chỉ tiêu tuyển 32 biên chế nhưng chỉ có 29 hồ sơ đăng ký dự thi nên nghi ngờ T có hành vi gian dối. Chị V không nhờ T nữa mà yêu cầu T trả lại số tiền đã đưa trước đó nhưng T thoái thác việc trả lại tiền với lý do đã dùng hết tiền để lo việc cho chị V nhưng thực tế số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 15/3/2021 chị V tố giác hành vi của T đến Công an thị xã Ayun Pa.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) “Giấy mượn tiền” lập ngày 29/01/2021 (số tiền nhận 30.000.000 đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, có số IMEI1: 866346038192472, số IMEI 2: 866346038192464, kèm theo 01 (một) sim di động mạng Viettel loại 4G có số hiệu: 8984048000021942276, có số thuê bao “+84358481781” (đây là điện thoại di động của chị Lê Thị Xuân V dùng liên hệ với qua zalo với Lê Văn T).

- 01 (một) điện thoại di động IPHONE 11, số máy: MWK62LL/A, số seri: C6KZN1AVN72P, IMEI: 353985107946548, IMEI 2: 353985107913134; IMEID: 35398510794654; kèm theo 01 (một) sim di động mạng Viettel có số hiệu: 8984048851001787645, có số thuê bao “+84985245451” (đây là điện thoại di động của Lê Văn T dùng liên hệ qua zalo với chị Lê Thị Xuân V).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Xuân V yêu cầu Lê Văn T trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 30.000.000 đồng. Hiện bị cáo Lê Văn T đã trả đủ số tiền nói trên cho chị V, chị V không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Giao bị cáo cho UBND xã I, huyện I, tỉnh G giám sát trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 (một) điện thoại di động IPHONE 11; trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng cho bị hại Lê Thị Xuân V. Đây là các vật chứng bị cáo và bị hại sử dụng để liên lạc với nhau qua zalo, đang tạm giữ tại cơ quan thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị cáo biết chị Lê Thị Xuân V có nguyện vọng thi tuyển vào viên chức ngành giáo dục của thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Bản thân bị cáo không có thẩm quyền và không có khả năng giúp chị V nhưng đã gian dối hứa hẹn sẽ nhận tiền của chị V để lo lót cho người khác giúp chị V thi tuyển đạt kết quả. Chị V đã tin tưởng và giao cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 29/01/2021. Để chị V tin tưởng, yên tâm, bị cáo còn dùng thủ đoạn viết giấy mượn tiền đối với số tiền đã nhận của chị V, sau đó còn tìm tài liệu cũ của địa phương khác để chuyển cho chị V ôn thi. Số tiền đã chiếm đoạt được của chị V bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa đã truy tố bị cáo về tội danh nói trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] *Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa đã luôn thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Sau khi vụ án được phát hiện, điều tra, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại Lê Thị Xuân V toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 30.000.000 đồng và được bị hại thông cảm có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ nói trên được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật

Hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi xem xét quyết định hình phạt.

[3] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bản thân bị cáo có đủ điều kiện để tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nên căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và giao về cho UBND xã nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại Lê Thị Xuân V không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

Vật chứng chưa được xử lý trong vụ án là 02 chiếc điện thoại di động kèm theo thẻ sim. Chiếc IPHONE 11 là của bị cáo và chiếc OPPO màu trắng là của bị hại Lê Thị Xuân V. Bị cáo và bị hại đã sử dụng 02 chiếc điện thoại này để nói chuyện, liên hệ với nhau qua tài khoản zalo trước và sau khi phạm tội. Xét thấy bị cáo và bị hại chỉ liên hệ, nói chuyện qua lại với nhau qua zalo nên hai chiếc điện thoại không phải là công cụ, phương tiện phục vụ tích cực cho việc phạm tội của bị cáo nên không tịch thu sung công quỹ mà căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo và bị hại.

Đối với tài liệu là 01 (một) “Giấy mượn tiền” lập ngày 29/01/2021 (số tiền 30.000.000 đồng), có chữ ký của bị cáo, bị hại. Xét thấy giấy mượn tiền nêu trên là chứng cứ của vụ án, đã được thu thập đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự để đưa vào lưu trữ tại hồ sơ vụ án nên HĐXX không xem xét xử lý.

[6] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:* Cơ quan điều tra Công an thị xã Ayun Pa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên xử:

Phạt bị cáo Lê Văn T **15 (mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30 (ba mươi)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/8/2021.

(Bị cáo đã bị tạm giữ từ 15/3 đến 23/3/2021)

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 (một) điện thoại di động IPHONE 11, số máy: MWK62LL/A, số seri: C6KZN1AVN72P, IMEI: 353985107946548, IMEI 2: 353985107913134; IMEID: 35398510794654 kèm theo 01 (một) sim di động mạng Viettel có số hiệu: 8984048851001787645, có số thuê bao “+84985245451”.

Trả lại cho bị hại Lê Thị Xuân V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, có số IMEI1: 866346038192472, số IMEI 2: 866346038192464, kèm theo 01 (một) sim di động mạng Viettel loại 4G có số hiệu: 8984048000021942276, có số thuê bao “+84358481781”.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 25/6/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã Ayun Pa và cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa)

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 21, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/8/2021 đối với những người có mặt tại phiên tòa; thời hạn 15 ngày kể từ ngày trích lục bản án được tổng đạt hợp lệ đối với người vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo đối với phần bản án liên quan đến bản thân mình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- CQ. CSĐT Công an TX. Ayun Pa;
- CQ. THA HS Công an TX. Ayun Pa;
- Chi cục THA DS TX. Ayun Pa;
- Bị cáo và những người TGTt khác;
- Lưu HSVA, Lưu trữ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Toàn